

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU.....	5
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	5
Điều 1. Định nghĩa.....	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	7
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....	7
Điều 3. Thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở chính, Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện ...	8
III. MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY, CÁC HẠN CHẾ ĐỐI VỚI CÔNG TY.....	9
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	9
Điều 5. Nguyên tắc kinh doanh chứng khoán.....	9
Điều 6. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	10
Điều 7. Quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty.....	10
Điều 8. Các quy định hạn chế.....	12
Điều 9. Các quy định về kiểm soát nội bộ.....	12
Điều 10. Các quy định về bảo mật thông tin.....	13
Điều 11. Quy tắc đạo đức nghề nghiệp.....	13
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN.....	13
Điều 12. Vốn điều lệ, cổ phần.....	13
Điều 13. Chứng nhận cổ phiếu.....	16
Điều 14. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	17
Điều 15. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần.....	17
Điều 16. Thu hồi cổ phần.....	18
Điều 17. Mua lại cổ phần.....	18
Điều 18. Phát hành trái phiếu.....	19
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT.....	19
Điều 19. Cơ cấu tổ chức quản lý.....	19
VI. CỔ ĐỒNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG.....	20
Điều 20. Quyền của cổ đông.....	20
Điều 21. Nghĩa vụ của cổ đông.....	21
Điều 22. Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 23. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	23

Điều 24. Các đại diện được ủy quyền.....	24
Điều 25. Thay đổi các quyền.....	25
Điều 26. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	26
Điều 27. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	27
Điều 28. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	28
Điều 29. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	30
Điều 30. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	31
Điều 31. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	32
Điều 32. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	33
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	33
Điều 33. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	33
Điều 34. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	35
Điều 35. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	38
Điều 36. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	39
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	43
Điều 37. Tổ chức bộ máy quản lý.....	43
Điều 38. Cán bộ quản lý	43
Điều 39. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc điều hành .	43
Điều 40. Thư ký Công ty.....	46
IX. BAN KIỂM SOÁT	47
Điều 41. Thành viên Ban Kiểm soát.....	47
Điều 42. Ban Kiểm soát.....	48
X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ.....	50
Điều 43. Trách nhiệm căn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý	50
Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	50
Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	52
Điều 46. Hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan	52
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	53
Điều 47. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	53
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	53
Điều 48. Công nhân viên và công đoàn.....	53

XIII. NGUYÊN TẮC PHÂN CHIA LỢI NHUẬN, XỬ LÝ LỖ VÀ TRÍCH LẬP CÁC QUỸ.....	54
Điều 49. Điều khoản chia lợi nhuận và cổ tức	54
Điều 50. Xử lý lỗ trong kinh doanh	55
Điều 51. Trích lập các Quỹ theo quy định	55
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	55
Điều 52. Tài khoản ngân hàng	55
Điều 53. Năm tài chính.....	56
Điều 54. Hệ thống kế toán.....	56
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	56
Điều 55. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý	56
Điều 56. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng.....	57
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	57
Điều 57. Kiểm toán.....	57
XVII. CON DẤU	58
Điều 58. Con dấu	58
XVIII. TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, THANH LÝ VÀ PHÁ SẢN ...	58
Điều 59. Tổ chức lại Công ty	58
Điều 60. Chấm dứt hoạt động, giải thể và thanh lý	58
Điều 61. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông	59
Điều 62. Phá sản.....	59
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	59
Điều 63. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	59
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	60
Điều 64. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	60
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	61
Điều 65. Ngày hiệu lực.....	61
Điều 66. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty./.....	61

PHẦN MỞ ĐẦU

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC ngày 24/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Công ty chứng khoán;
- Căn cứ Quyết định số 126/2008/QĐ-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của “Quy chế tổ chức và hoạt động công ty chứng khoán” ban hành kèm theo Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC ngày 24 tháng 04 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;
- Căn cứ Quyết định số 15/2007/QĐ-BTC ngày 19 tháng 03 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông lần đầu Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam thông qua theo nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày 13 tháng 06 năm 2009.

Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam được thực hiện theo Điều lệ này, theo các quy định hiện hành của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:
 - a. “**Công ty**” có nghĩa là Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam.
 - b. “**Trụ sở chính**” là Trụ sở chính của Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam.

- c. **“Chi nhánh, Phòng Giao dịch và Văn phòng đại diện”** là đơn vị trực thuộc của Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam.
- d. **“Địa bàn kinh doanh”** có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.
- e. **“Vốn điều lệ”** có nghĩa là số vốn do cổ đông góp và quy định tại Điều 12 của Điều lệ này.
- f. **“Luật Chứng khoán”** có nghĩa là Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006.
- g. **“Luật Doanh nghiệp”** có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.
- h. **“Điều khoản”** có nghĩa là một Điều khoản của Điều lệ này.
- i. **“Ngày thành lập”** có nghĩa là ngày mà Công ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
- j. **“Pháp luật”** là tất cả những văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 1 - Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được ban hành ngày 12 tháng 11 năm 1996.
- k. **“Người quản lý Công ty”** là các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh.
- l. **“Những người liên quan”** là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định tại Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.
- m. **“Cổ đông lớn”** là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.
- n. **“Cổ phần ưu đãi biểu quyết”** là cổ phần có số phiếu biểu quyết nhiều hơn so với số cổ phần phổ thông.
- o. **“Nhà đầu tư”** là tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức cá nhân nước ngoài tham gia hoạt động đầu tư trên thị trường chứng khoán.
- p. **“Tổ chức phát hành”** là tổ chức thực hiện phát hành chứng khoán ra công chúng.
- q. **“Kinh doanh chứng khoán”** là việc thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán.
- r. **“Môi giới chứng khoán”** là việc công ty chứng khoán làm trung gian thực hiện việc mua, bán chứng khoán cho khách hàng.

- s. **“Tự doanh chứng khoán”** là việc công ty chứng khoán mua hoặc bán chứng khoán cho chính mình.
- t. **“Bảo lãnh phát hành chứng khoán”** là việc tổ chức bảo lãnh phát hành cam kết với tổ chức phát hành hoặc thực hiện các thủ tục trước khi chào bán chứng khoán, nhận mua một phần hay toàn bộ chứng khoán của tổ chức phát hành để bán lại hoặc mua số chứng khoán còn lại chưa được phân phối hết của tổ chức phát hành hoặc hỗ trợ tổ chức phát hành trong việc phân phối chứng khoán ra công chúng.
- u. **“Tur vấn đầu tư chứng khoán”** là việc công ty chứng khoán cung cấp cho nhà đầu tư kết quả phân tích, công bố báo cáo phân tích và khuyến nghị liên quan đến chứng khoán.
- v. **“Lưu ký chứng khoán”** là việc nhận ký gửi, bảo quản, chuyển giao chứng khoán cho khách hàng, giúp khách hàng thực hiện các quyền liên quan đến sở hữu chứng khoán.

2. Trong Điều lệ này, việc tham chiếu tới bất kỳ điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của điều khoản hoặc văn bản đó.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc theo dõi, hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

4. Các từ viết tắt:

Việt Nam: Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

NHCTVN: Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

- Tên giao dịch tiếng Việt: Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam.
- Tên giao dịch tiếng Việt viết tắt: Công ty Chứng khoán Công thương

- Tên giao dịch tiếng Anh: Vietnam Bank for Industry and Trade Securities Joint Stock Company
 - Tên giao dịch tiếng Anh viết tắt: VietinBankSc.
2. Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam là Công ty cổ phần được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Chứng khoán và các quy định hiện hành khác của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
- Địa chỉ: 306 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội
 - Điện thoại: 04.62780012
 - Fax: 04. 39741760
 - Website: www.vietinbanksc.com.vn
4. Người đại diện theo pháp luật:
- a. Tổng Giám đốc điều hành là người đại diện theo pháp luật của Công ty;
 - b. Người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định tại Điều lệ này phải thường trú ở Việt Nam; trường hợp vắng mặt ở Việt Nam trên ba mươi ngày thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác theo quy định pháp luật để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty.
5. Công ty có thể thành lập, đóng cửa Chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.
6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 60.2 và Điều 61 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở chính, Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện

- 1. Công ty phải làm Hồ sơ đề nghị thay đổi tên Công ty, Chi nhánh, Phòng giao dịch, Văn phòng đại diện gửi UBCKNN.
- 2. Khi thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở chính Công ty, Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của Công ty phải được UBCKNN chấp thuận.

III. MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY, CÁC HẠN CHẾ ĐỐI VỚI CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác;
- Thực hiện các nghiệp vụ khác phù hợp với quy định của Pháp luật.

Công ty có thể tiến hành thay đổi hoặc bổ sung một trong những loại hình kinh doanh trên theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và phải được UBCKNN phê duyệt.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

- a. Mục tiêu chính của Công ty là phát triển Công ty trở thành một công ty hàng đầu trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Tăng trưởng lợi nhuận, tăng lợi tức cho cổ đông và đóng góp ngân sách Nhà nước, nâng cao đời sống người lao động, tích lũy đầu tư cho phát triển.
- b. Tối đa hóa hiệu quả hoạt động của Công ty.
- c. Kinh doanh phù hợp với chiến lược hoạt động và lợi ích của các cổ đông.

Điều 5. Nguyên tắc kinh doanh chứng khoán

Hoạt động kinh doanh chứng khoán của Công ty tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc sau:

1. Tuân thủ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định pháp luật khác;
2. Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp;
3. Liêm trực và thực hiện hoạt động kinh doanh một cách công bằng;
4. Hoàn thành nghĩa vụ của mình với khách hàng một cách tốt nhất;
5. Đảm bảo nguồn lực về con người, vốn và cơ sở vật chất cần thiết khác để thực hiện hoạt động kinh doanh chứng khoán và ban hành bằng văn bản các quy trình thực hiện nghiệp vụ kinh doanh phù hợp;

6. Chỉ được đưa ra lời tư vấn phù hợp với khách hàng trên cơ sở nỗ lực thu thập thông tin về khách hàng;

7. Cung cấp cho khách hàng thông tin cần thiết cho việc ra quyết định đầu tư của khách hàng;

8. Thận trọng, không được tạo ra xung đột lợi ích với khách hàng. Trong trường hợp không thể tránh được, Công ty phải thông báo trước cho khách hàng và/hoặc áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo đối xử công bằng với khách hàng;

9. Ban hành và áp dụng các quy trình nghiệp vụ trong Công ty phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan;

10. Kinh doanh phù hợp với chiến lược hoạt động và lợi ích của các cổ đông.

Điều 6. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty chỉ được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh, cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính và dịch vụ tài chính khác theo nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty và Điều lệ này phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Trường hợp cung cấp dịch vụ, sản phẩm mới phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn và được sự chấp thuận trước bằng văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 7. Quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty

1. Quyền của Công ty:

- a. Tự chủ kinh doanh, chủ động lựa chọn địa bàn, hình thức kinh doanh, đầu tư, chủ động mở rộng quy mô và ngành nghề kinh doanh;
- b. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng; Ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh, Ký hợp đồng với khách hàng về giao dịch chứng khoán, đăng ký và lưu ký chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và tư vấn tài chính;
- c. Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh;
- d. Chủ động ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh;
- e. Tự chủ quyết định các công việc kinh doanh và quan hệ nội bộ;
- f. Thực hiện thu phí theo các mức phí, lệ phí do Bộ Tài chính quy định;
- g. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

2. Nghĩa vụ của Công ty:

- a. Thiết lập và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ độc lập và chuyên trách. Hệ thống kiểm soát nội bộ phải được thành lập tại Trụ sở chính, Chi nhánh nhằm:

quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty và trong giao dịch với người có liên quan.

- b. Quản lý tách biệt chứng khoán của từng nhà đầu tư, tách biệt tiền và chứng khoán của nhà đầu tư với tiền và chứng khoán của Công ty.
- c. Ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng.
- d. Ưu tiên thực hiện lệnh của khách hàng trước lệnh của Công ty.
- e. Thu thập, tìm hiểu thông tin về tình hình tài chính, mục tiêu đầu tư, khả năng chấp nhận rủi ro của khách hàng; bảo đảm các khuyến nghị, tư vấn đầu tư của Công ty cho khách hàng phải phù hợp với khách hàng đó.
- f. Tuân thủ các quy định bảo đảm vốn khả dụng theo quy định của Bộ Tài chính.
- g. Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán tại Công ty hoặc trích lập quỹ bảo vệ nhà đầu tư để bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư do sự cố kỹ thuật và sơ suất của nhân viên trong Công ty.
- h. Lưu giữ đầy đủ các chứng từ và tài khoản phản ánh chi tiết, chính xác các giao dịch của khách hàng và của Công ty.
- i. Thực hiện việc bán hoặc cho khách hàng bán chứng khoán khi không sở hữu chứng khoán và cho khách hàng vay chứng khoán để bán theo quy định của Bộ Tài chính.
- j. Tuân thủ các quy định của Bộ Tài chính về nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán.
- k. Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.
- l. Thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 101 và Điều 104 của Luật Chứng khoán và chế độ báo cáo theo quy định của Bộ Tài chính.
- m. Tuân thủ các nguyên tắc về quản trị Công ty theo Điều 28 Luật Chứng khoán;
- n. Đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán theo quy định tại Quy chế về đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán;
- o. Nộp các loại thuế, phí thành viên, phí giao dịch, các khoản góp lập quỹ hỗ trợ thanh toán, các khoản phí dịch vụ khác theo quy định của UBCKNN và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật;
- p. Đảm bảo nguồn tài chính trong cam kết kinh doanh với khách hàng, thực hiện đầy đủ các cam kết tài chính và các cam kết khác với khách hàng, các đối tác theo đúng nội dung hợp đồng đã ký giữa khách hàng với Công ty;
- q. Tuân thủ các quy định của Pháp luật hiện hành về nội dung, phạm vi hoạt động;

- r. Đăng ký kinh doanh và kinh doanh theo đúng ngành nghề đã đăng ký; chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty;
- s. Chăm lo phát triển nguồn nhân lực để đảm bảo thực hiện chiến lược phát triển và nhiệm vụ kinh doanh của Công ty, ưu tiên sử dụng lao động trong nước, bảo đảm quyền lợi và lợi ích của người lao động, chăm lo điều kiện làm việc, cải thiện và nâng cao điều kiện sống của người lao động theo quy định của Pháp luật về lao động và công đoàn;
- t. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

Điều 8. Các quy định hạn chế

- 1. Quy định hạn chế đối với Công ty:
 - a. Không được đưa ra nhận định hoặc bảo đảm với khách hàng về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư của mình hoặc bảo đảm khách hàng không bị thua lỗ, ngoại trừ đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định;
 - b. Không được tiết lộ thông tin về khách hàng trừ khi được khách hàng đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
 - c. Không được thực hiện những hành vi làm cho khách hàng và nhà đầu tư hiểu nhầm về giá chứng khoán;
 - d. Không được cho khách hàng vay tiền để mua chứng khoán, trừ trường hợp Bộ Tài chính có quy định khác;
 - e. Không được vi phạm các hạn chế khác do UBCKNN quy định.
- 2. Quy định hạn chế đối với Tổng Giám đốc điều hành và người hành nghề chứng khoán của Công ty:
 - a. Không được đồng thời làm việc cho tổ chức khác có quan hệ sở hữu với Công ty;
 - b. Không được đồng thời làm việc cho Công ty chứng khoán, Công ty quản lý quỹ khác;
 - c. Không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của một tổ chức chào bán chứng khoán ra công chúng hoặc tổ chức niêm yết;
 - d. Chỉ được mở tài khoản giao dịch chứng khoán cho mình tại chính Công ty;
 - e. Không được sử dụng tiền, chứng khoán trên tài khoản của khách hàng khi không được khách hàng uỷ thác.

Điều 9. Các quy định về kiểm soát nội bộ

- 1. Quy trình kiểm soát nội bộ được lập chính thức bằng văn bản và được công bố trong nội bộ Công ty.
- 2. Mọi nhân viên của Công ty đều phải tuân thủ quy định về kiểm soát nội bộ.

3. Định kỳ Công ty tiến hành kiểm tra và hoàn thiện các biện pháp kiểm soát nội bộ.
4. Bộ phận kiểm soát nội bộ chịu trách nhiệm đảm bảo hệ thống kiểm soát nội bộ được tuân thủ; định kỳ báo cáo kết quả lên Hội đồng quản trị/ Tổng Giám đốc điều hành Công ty để nâng cao hiệu quả và hoàn thiện các biện pháp kiểm soát nội bộ.

Điều 10. Các quy định về bảo mật thông tin

1. Công ty phải có trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán và tiền của khách hàng, từ chối việc điều tra, phong toả, cầm giữ, trích chuyển tài sản của khách hàng mà không có sự đồng ý của khách hàng.
2. Quy định tại Điều 10.1 Điều lệ này không áp dụng trong các trường hợp sau đây:
 - a. Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;
 - b. Khách hàng của Công ty muốn biết thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán và tiền của chính họ;
 - c. Cung cấp thông tin theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 11. Quy tắc đạo đức nghề nghiệp

1. Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp do Hiệp hội kinh doanh chứng khoán ban hành dưới hình thức văn bản phải được công bố rộng rãi trong Công ty. Công ty phải xây dựng nội quy của Công ty, chi tiết hoá nội dung của Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp này.
2. Mọi nhân viên của Công ty đều phải tuân thủ nghiêm ngặt Bộ quy tắc này.
3. Bộ phận kiểm soát nội bộ có trách nhiệm giám sát việc tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp của lãnh đạo và nhân viên Công ty.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 12. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ:
 - a. Vốn điều lệ của Công ty là Vốn điều lệ được ghi trong Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.
 - b. Vào ngày thông qua Điều lệ này, vốn điều lệ của Công ty là **789.934.000.000 đồng** (Bảy trăm tám mươi chín tỷ, chín trăm ba mươi tư triệu đồng Việt Nam).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **78.993.400 cổ phần** với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

- c. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm **78.993.400** cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần được quy định tại Điều 20 Điều lệ này.
 - d. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
 - e. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán.
 - f. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
 - g. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cách thức tăng, giảm vốn điều lệ:
- a. Việc tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty phải được thực hiện phù hợp với quy định pháp luật, trong đó Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam phải luôn đảm bảo nắm giữ tối thiểu 51% vốn điều lệ của Công ty.
 - b. Công ty có thể tăng vốn điều lệ thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi:
 - Công ty có nhu cầu mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh; hoặc

- Công ty bị giảm vốn hoạt động kinh doanh chứng khoán hiện thời và phương án huy động vốn từ các nguồn bên ngoài không thực hiện được.
- c. Vốn điều lệ của Công ty được điều chỉnh tăng trong các trường hợp sau:
- Phát hành cổ phiếu mới để huy động thêm vốn theo quy định của pháp luật;
 - Chuyển đổi trái phiếu đã phát hành thành cổ phần;
 - Thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu;
 - Kết chuyển nguồn thặng dư vốn để bổ sung tăng vốn điều lệ;
 - Bổ sung từ các nguồn vốn khác theo quy định của Pháp luật.
- d. Việc giảm vốn điều lệ Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng vẫn đảm bảo điều kiện vốn pháp định theo quy định hiện hành.
3. Hạn chế đối với quyền của cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông giữ chức vụ Tổng Giám đốc điều hành:

Cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông giữ chức vụ Tổng Giám đốc điều hành không được chuyển nhượng cổ phần trong vòng 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.

4. Cơ cấu góp vốn :

Số cổ phần của Cổ đông, loại cổ phần, mệnh giá cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại sẽ được nêu tại phụ lục 01 đính kèm. Phụ lục này là một bộ phận không tách rời của Điều lệ này.

5. Sổ đăng ký cổ đông:

- a. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
- b. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu như sau:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
 - Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là pháp nhân;
 - Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần;
 - Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp.

- c. Hình thức của sổ đăng ký cổ đông do Công ty quyết định có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
- d. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại Trụ sở chính Công ty (hoặc có thể được lưu giữ tại Trung tâm Lưu ký). Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc tại Trụ sở chính Công ty.
- e. Việc lập, lưu giữ, kiểm tra, tra cứu, trích lục hoặc sao chép nội dung Sổ đăng ký cổ đông sau khi Công ty đã được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được thực hiện theo quy định của Pháp luật có liên quan.

Điều 13. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 6 của Điều 13.
2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng nhận cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.
3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì trừ phí chuyển nhượng cổ phần.
4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong một chứng nhận cổ phiếu, chứng nhận cũ sẽ được ghi giảm tương ứng.
5. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cấp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.
6. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy

định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.

Điều 14. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 15. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần

1. Chào bán cổ phần:

- a. Công ty được chào bán cổ phiếu ra công chúng khi đáp ứng các điều kiện chào bán cổ phiếu ra công chúng theo quy định tại Luật Chứng khoán;
- b. Công ty phải đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi thực hiện chào bán cổ phiếu ra công chúng;
- c. Phương thức, thủ tục chào bán cổ phiếu ra công chúng được thực hiện theo quy định về chào bán chứng khoán ra công chúng của Luật Chứng khoán.
- d. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo quy định tại Khoản e Điều 12.1 Điều lệ này.

2. Chuyển nhượng cổ phần:

- a. Các cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ các trường hợp sau:
 - Cổ phần ưu đãi biểu quyết;
 - Cổ phần phổ thông của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành quy định tại Điều 12.3 của Điều lệ này;
 - Các trường hợp khác phù hợp với quy định pháp luật.
- b. Việc chuyển nhượng cổ phần được thực hiện bằng văn bản theo cách thông thường hoặc bằng cách trao tay cổ phiếu. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện uỷ quyền của họ ký.
- c. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của Pháp luật về Chứng khoán và Thị trường chứng khoán, của Sở Giao dịch Chứng khoán.
- d. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.

Điều 16. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Điều 4, 5 và 6 và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.

4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 150% lãi suất cơ bản) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 17. Mua lại cổ phần

1. Mua lại theo yêu cầu của cổ đông:

Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty mua lại phần vốn góp, cổ phần của mình, nếu cổ đông đó bỏ phiếu không tán thành đối với quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty. Yêu cầu mua lại phần vốn góp, cổ phần phải được lập bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Mua lại theo quyết định của Công ty:

- a. Trường hợp Công ty chưa niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán: Công ty có quyền mua lại cổ phiếu của chính Công ty không quá 10% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi đã bán theo quy định sau đây:
 - Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 5% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai tháng;
 - Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
 - b. Trường hợp Công ty đã niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán: khi mua lại cổ phiếu của chính Công ty, phải công khai thông tin về việc mua lại 07 ngày trước khi thực hiện mua lại.
3. Điều kiện thanh toán cổ phần được mua lại:

Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định Điều 17.1 và Điều 17.2 của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết cổ phần được mua lại, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

Điều 18. Phát hành trái phiếu

1. Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật.
2. Hội đồng quản trị của Công ty có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu, thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất.
3. Công ty không được quyền phát hành trái phiếu trong các trường hợp sau đây (trừ trường hợp pháp luật về Chứng khoán có quy định khác):
 - a. Không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong ba năm liên tiếp trước đó;
 - b. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế bình quân của ba năm liên tiếp trước đó không cao hơn mức lãi suất dự kiến trả cho trái phiếu định phát hành.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 19. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty theo mô hình Công ty cổ phần, bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Tổng Giám đốc điều hành;
- Ban Kiểm soát.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 20. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền, mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành, trừ trường hợp quy định tại Điều 12.3 Điều lệ này;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu trong Công ty;
 - e. Xem xét, tra cứu, kiểm tra và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 90.1 của Luật Doanh nghiệp;
 - i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:
 - a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 33.2 và Điều 41.4;
 - b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;

- d. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát;
- e. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- f. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

Điều 21. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có nghĩa vụ sau:
 - a. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - b. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - c. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;
 - d. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
 - e. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - f. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - Vi phạm pháp luật;
 - Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.
2. Nghĩa vụ của cổ đông lớn của Công ty khi cổ phiếu Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán:

Trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày trở thành cổ đông lớn phải báo cáo Công ty, UBCKNN và Sở Giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu được niêm yết.

Điều 22. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn tối đa là

